

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT SĨ QUAN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 28/11/2024; Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 16/2024/L-CTN ngày 30/11/2024; có hiệu lực thi hành từ ngày 01/12/2024.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT SĨ QUAN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM¹

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị

Quân đội nhân dân (QĐND) Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập và lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt. Sĩ quan Quân đội nhân dân là cán bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam, là lực lượng nòng cốt của Quân đội, thành phần chủ yếu trong đội ngũ cán bộ Quân đội, đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo, chỉ huy, quản lý hoặc trực tiếp thực hiện một số nhiệm vụ khác, bảo đảm cho quân đội sẵn sàng chiến đấu và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Để đội ngũ sĩ quan QĐND Việt Nam vững mạnh, đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội tinh, gọn, mạnh, hiện đại trong tình hình mới, bảo đảm cho Quân đội sẵn sàng chiến đấu và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, những năm qua Đảng, Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách như:

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định: “... tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, xây dựng QĐND cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số lực lượng tiến thẳng lên hiện đại, tạo tiền đề vững chắc phấn đấu năm 2030 xây dựng QĐND cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; ...”.

- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 16/4/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược quốc phòng Việt Nam và Kết luận số 31-KL/TW ngày 16/4/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược quân sự Việt Nam xác định phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là: “Tiếp tục thực hiện việc điều chỉnh tổ chức Quân đội... Tổ chức Quân đội theo hướng tinh, gọn, cơ động, có sức chiến đấu cao...”.

¹ Tờ trình số 403/TTr-CP ngày 04/9/2024 của Chính phủ về Dự án Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ xác định: *“Quy định khung cơ chế, chính sách ưu đãi để phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài có trọng tâm, trọng điểm, nhất là các ngành, lĩnh vực mũi nhọn phục vụ cho phát triển nhanh và bền vững”*.

- Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội: *“Từ năm 2021, thực hiện điều chỉnh tuổi nghỉ hưu theo mục tiêu tăng tuổi nghỉ hưu chung, thu hẹp dần khoảng cách về giới trong quy định tuổi nghỉ hưu; đối với những ngành nghề đặc biệt, người lao động được quyền nghỉ hưu sớm, hoặc muộn hơn 5 tuổi so với tuổi nghỉ hưu chung”*.

- Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 17/01/2022 của Bộ Chính trị về tổ chức QĐND Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và những năm tiếp theo, trong đó Bộ Chính trị giao: *“Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo phối hợp với các cơ quan tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật có liên quan đến công tác quốc phòng, quân sự; sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật có liên quan đến cơ cấu, chức vụ, trần quân hàm của sĩ quan cấp tướng”* và Nghị quyết số 230-NQ/QUTW ngày 02/4/2022 của Quân ủy Trung ương về lãnh đạo thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW của Bộ Chính trị xác định: *“Đến năm 2025 cơ bản xây dựng QĐND Việt Nam tinh, gọn, mạnh; tạo tiền đề vững chắc phấn đấu năm 2030 xây dựng QĐND Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”*.

- Nghị quyết số 44-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới xác định: *“Xây dựng QĐND cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; ưu tiên hiện đại hóa một số quân chủng, binh chủng, lực lượng... Đến năm 2025, cơ bản xây dựng QĐND tinh, gọn, mạnh, tạo tiền đề vững chắc, phấn đấu năm 2030 xây dựng QĐND chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, làm nòng cốt trong sự nghiệp quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”*.

- Kết luận số 86-KL/TW ngày 24/01/2014 của Bộ Chính trị về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ đã xác định đối với lực lượng vũ trang: *“Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc được phong quân hàm từ Trung úy và tương đương trở lên, hưởng hệ số lương khởi điểm là 4,60; cán bộ khoa học trẻ có trình độ thạc sĩ được phong quân hàm từ Thượng úy và tương đương trở lên...; cán bộ khoa học trẻ có trình độ tiến sĩ được phong quân hàm từ Đại úy và tương đương trở lên...; cán bộ khoa học trẻ có trình độ tiến sĩ khoa học được phong quân hàm từ Thiếu tá và tương đương trở lên...”*.

- Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị, trong đó giao: *“Quân ủy Trung ương xây dựng đề án danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý, chỉ huy trong QĐND bảo đảm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của Quân đội; đồng bộ, thống nhất với các chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương trong hệ thống chính trị”*.

- Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 24/5/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển nhà ở xã hội trong tình hình mới đã đặt ra yêu cầu đối với các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội: *“Nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách đặc thù về nhà ở xã hội cho công nhân và lực lượng vũ trang nhân dân”*.

- Kết luận của Bộ Chính trị tại Văn bản số 10809-CV/VPTW ngày 06/8/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng; trong đó, Bộ Chính trị đồng ý chủ trương trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV theo quy trình một kỳ họp, trình tự, thủ tục rút gọn và một số cơ chế, chính sách đặc biệt đối với sĩ quan QĐND Việt Nam.

b) Cơ sở pháp lý

Từ khi Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999 có hiệu lực thi hành (ngày 01/4/2000), đã có nhiều chính sách, pháp luật của Nhà nước được ban hành, như: Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng năm 2015; Luật Quốc phòng năm 2018; Luật Dân quân tự vệ năm 2019; Bộ luật Lao động năm 2019; Luật Nhà ở năm 2023; Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023; Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp năm 2024; Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024,... có quy định liên quan hoặc tác động đến đối tượng là sĩ quan QĐND Việt Nam. Do đó, cần sửa đổi, bổ sung Luật Sĩ quan để bảo đảm phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tính chất, nhiệm vụ của Quân đội *“là ngành lao động đặc biệt”*.

2. Cơ sở thực tiễn

Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999, được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2008, năm 2014 và năm 2019 (*sau đây viết tắt là Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam*) qua quá trình thực hiện đã tạo cơ sở pháp lý để xây dựng đội ngũ sĩ quan vững mạnh, làm nòng cốt xây dựng QĐND cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại, đáp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi và kết quả đạt được, quá trình thực hiện Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam đã bộc lộ một số vướng mắc bất cập, tập trung vào các vấn đề sau đây:

Thứ nhất, Điều 11 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam quy định sĩ quan có 11 chức vụ cơ bản, trong đó, không quy định chức vụ cơ bản là cấp phó nên chưa cụ thể hóa các chức vụ, chức danh theo quy định của Bộ Chính trị tại Quy định số 80-QĐ/TW ngày 18/8/2022 về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về Danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở; Đề án số 573-ĐA/QUTW ngày 16/10/2023 của Quân ủy Trung ương về Danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo, chỉ huy, quản lý trong QĐND Việt Nam (gồm 17 chức vụ cơ bản) được Bộ Chính trị giao Ban Tổ chức Trung ương thẩm định nhất trí thông qua (Văn bản số 2343-CV/BTCTW ngày 09/11/2023). Việc chưa quy định chức vụ cơ bản là cấp phó, cấp có thẩm quyền chỉ huy, quản lý trong Quân đội theo tổ chức, biên chế, Điều lệnh quản lý bộ đội QĐND Việt Nam, như: Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Tổng Tham mưu trưởng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Phó Tư lệnh, Phó Chính ủy Quân khu, Quân chủng, Bộ đội Biên phòng, Quân đoàn... nên chưa khẳng định được vị trí, vai trò, chức trách của chức vụ này, chưa phân định quyền hạn cấp trên, cấp dưới trong chỉ huy, ra mệnh lệnh, chấp hành điều lệnh, điều lệ, kỷ luật Quân đội.

Hệ thống chức vụ của sĩ quan trong Luật Sĩ quan chưa đồng bộ với cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng quy định tại Điều 3 Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng, gồm: Bộ Tổng Tham mưu QĐND Việt Nam, Tổng cục Chính trị QĐND Việt Nam và các tổng cục, cục, vụ, quân khu, quân chủng, Bộ đội Biên phòng, quân đoàn, binh chủng, Bộ Tư lệnh, cơ quan quân sự địa phương...

Mặt khác, Điều 11 Luật Sĩ quan quy định chức vụ cơ bản và chức vụ, chức danh tương đương đối với cấp trưởng, chưa quy định đối với cấp phó, trong khi đó Quân đội có 6.277 chức vụ, 12.310 chức danh nên việc xác định chức vụ, chức danh tương đương với cấp phó và sĩ quan không giữ chức vụ chỉ huy, quản lý gặp khó khăn, chưa đảm bảo hành lang pháp lý đầy đủ để thực hiện quy hoạch, bố trí, sắp xếp, bổ nhiệm và thực hiện chế độ chính sách đối với sĩ quan được bổ nhiệm chức vụ Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Tổng Tham mưu trưởng QĐND Việt Nam, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị QĐND Việt Nam, các chức vụ là cấp phó của cấp trưởng và tương đương.

Thứ hai, khoản 1 Điều 13 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam quy định hạn tuổi phục vụ tại ngũ cao nhất của sĩ quan (*cấp úy 46; Thiếu tá 48; Trung tá 51; Thượng tá 54; Đại tá nam 57, nữ 55 và cấp tướng nam 60, nữ 55*) cơ bản phù hợp với đặc thù hoạt động quân sự; tuy nhiên chưa tận dụng được nguồn nhân lực có trình độ, kinh nghiệm, sức khỏe; chưa bảo đảm chế độ, chính sách cho một bộ phận cán bộ khi nghỉ hưu theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

Để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy tinh nhuệ, hiện đại và trước tác động của các yếu tố an ninh truyền thống, phi truyền thống cần giữ gìn đội ngũ sĩ quan được đào tạo cơ bản, có bản lĩnh, trình độ, kinh nghiệm, sức khỏe; điều chỉnh nâng hạn tuổi phục vụ tại ngũ để sĩ quan có thời gian phục vụ Quân đội dài hơn, giảm áp lực đào tạo cán bộ, phù hợp tính chất, nhiệm vụ của Quân đội “là ngành lao động đặc biệt”. Bảo đảm phù hợp tính chất, nhiệm vụ của sĩ quan phải thường xuyên trực tiếp chỉ huy, quản lý, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu trong điều kiện khó khăn, gian khổ, đóng quân làm nhiệm vụ ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, biển đảo...

Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, người lao động có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 35 năm đối với nam và 30 năm đối với nữ mới được hưởng mức lương hưu tối đa bằng 75%. Vì vậy, nâng tuổi phục vụ tại ngũ sẽ bảo đảm cho sĩ quan cấp Trung tá trở xuống khi nghỉ hưu có đủ số năm tham gia bảo hiểm xã hội để được hưởng lương hưu mức tối đa 75%, thể hiện chính sách ưu việt, làm cơ sở để thu hút, gìn giữ nguồn nhân lực phục vụ Quân đội. Mặt khác, việc tăng hạn tuổi phục vụ tại ngũ cao nhất của sĩ quan còn bảo đảm kịp thời phục vụ công tác nhân sự cán bộ cho Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Cùng với việc tăng hạn tuổi phục vụ tại ngũ cao nhất của sĩ quan, để bảo đảm cho sĩ quan khi nghỉ hưu đăng ký và phục vụ trong ngạch dự bị, sẵn sàng động viên, tổng động viên vào phục vụ Quân đội khi có tình huống; việc tăng hạn tuổi phục vụ của sĩ quan dự bị cấp tá, cấp úy từ 01 đến 02 tuổi là cần thiết để giữ gìn, phát huy được đội ngũ sĩ quan có năng lực, kinh nghiệm, bản lĩnh khi được sắp xếp vào các vị trí dự bị động viên; tiết kiệm được ngân sách đào tạo bổ sung vào nguồn sĩ quan dự bị thay thế các sĩ quan dự bị hết tuổi phải giải ngạch.

Thứ ba, khoản 1 Điều 15 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam quy định cấp bậc quân hàm cao nhất đối với chức vụ, chức danh của sĩ quan là cấp tướng; hiện nay, một số đơn vị đã có sự điều chỉnh, phát triển về quy mô tổ chức, biên chế, bổ sung chức năng, nhiệm vụ và được điều chỉnh chức vụ, chức danh tương đương Tư lệnh, Chính ủy Binh chủng (*cấp bậc quân hàm cao nhất đối với chức vụ Tư lệnh, Chính ủy Binh chủng là Thiếu tướng*) theo Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị và Đề án số 573-ĐA/QUTW ngày

16/10/2023 của Quân ủy Trung ương chưa được quy định trong Luật Sĩ quan; do đó, cần điều chỉnh, bổ sung, bảo đảm cân đối giữa các cơ quan, đơn vị trong toàn quân, thể hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của Quân đội là đội quân chiến đấu, đội quân công tác, đội quân lao động sản xuất, tạo động lực cho lãnh đạo, chỉ huy các đơn vị tiếp tục phấn đấu, hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ.

Khoản 4 Điều 15 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam quy định: *“Cấp bậc quân hàm cao nhất đối với chức vụ, chức danh của sĩ quan là cấp tướng của đơn vị thành lập mới do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định”* nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tiễn đặt ra; tuy nhiên, quá trình thực hiện đã nảy sinh vướng mắc, bất cập. Thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tổ chức QĐND Việt Nam; đặc biệt là Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 17/01/2022 của Bộ Chính trị về tổ chức QĐND Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và những năm tiếp theo; Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng đã lãnh đạo, tổ chức thực hiện điều chỉnh tổ chức Quân đội, theo đó một số đơn vị không thay đổi về tên gọi nhưng có sự điều chỉnh, phát triển về quy mô tổ chức, biên chế và bổ sung chức năng, nhiệm vụ nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị đã gặp vướng mắc trong đề nghị cấp bậc quân hàm cao nhất đối với chức vụ, chức danh sĩ quan là cấp tướng. Do chưa có sự thống nhất cách hiểu để các đơn vị này được xem là đơn vị thành lập mới, nên Ủy ban Thường vụ Quốc hội không xem xét, quyết định theo khoản 4 Điều 15 Luật Sĩ quan nêu trên.

Thứ tư, ngoài các nội dung trọng tâm nêu trên, quá trình thực hiện Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam cũng phát sinh một số khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn, như:

(1) Khoản 4 Điều 17 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam chưa giao cơ quan có thẩm quyền quy định cụ thể về tiêu chí, tiêu chuẩn được xét thăng quân hàm vượt bậc; Điều 18 chưa quy định sĩ quan được nâng lương trước thời hạn và chưa giao cơ quan có thẩm quyền quy định cụ thể về tiêu chí, tiêu chuẩn được xét thăng quân hàm và nâng lương sĩ quan trước thời hạn.

(2) Chưa quy định sĩ quan do yêu cầu nhiệm vụ mà không được bố trí nghỉ hằng năm do đặc thù quân sự, thường xuyên phải trực sẵn sàng chiến đấu, phải huấn luyện, diễn tập hoặc làm nhiệm vụ quốc tế, gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc thì ngoài tiền lương còn được thanh toán thêm một khoản bằng tiền lương cho những ngày không được nghỉ; trong khi đó Luật Công an nhân dân đã quy định cụ thể về nội dung này. Một số chế độ, chính sách đất ở, nhà ở, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với sĩ quan và thân nhân sĩ quan tại ngũ chưa được thể chế hóa theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối

với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp và chưa thống nhất với Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024. Mặt khác, chế độ an điều dưỡng, chăm sóc khi mắc bệnh hiểm nghèo, chế độ thông tin, hỗ trợ tang lễ khi từ trần đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ cần được quy định trong luật để thể hiện chính sách ưu việt của Đảng và Nhà nước dành cho sĩ quan Quân đội.

(3) Điều 41 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam quy định học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị được phong quân hàm Thiếu úy sĩ quan dự bị nên chưa tạo được động lực để thu hút đối với sinh viên tốt nghiệp đại học và người có trình độ sau đại học được gọi đào tạo sĩ quan dự bị; mặt khác, chưa quy định cấp có thẩm quyền quy định chi tiết đối với các nội dung liên quan tại Điều này.

(4) Chưa cụ thể hóa trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương trong việc chủ trì hoặc phối hợp với Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước, điều kiện thực hiện chế độ, chính sách đối với sĩ quan tại ngũ, sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ, gia đình sĩ quan, nhất là ưu tiên bố trí quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội cho Quân đội để bảo đảm chính sách ưu đãi của Đảng, Nhà nước dành cho Quân đội được thực hiện trên thực tế.

Từ những lý do nêu trên, việc xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam là cần thiết, nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý, đáp ứng yêu cầu xây dựng QĐND Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

II. BỐ CỤC CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT SĨ QUAN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam (*sau đây viết tắt là Luật năm 2024*) có 03 điều, gồm:

- **Điều 1:** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam; trong đó:

+ Sửa về nội dung 14 điều, gồm: Sửa đổi, bổ sung quy định chức vụ cơ bản và chức vụ, chức danh tương đương của sĩ quan (Điều 11); tuổi phục vụ của sĩ quan tại ngũ (Điều 13); cấp bậc quân hàm cao nhất đối với chức vụ của sĩ quan là cấp tướng, cấp tá, cấp úy (Điều 15); sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến tuổi của sĩ quan tại ngũ xét thăng quân hàm từ cấp bậc Đại tá lên Thiếu tướng, Chuẩn Đô đốc Hải quân, thẩm quyền quy định tiêu chí, tiêu chuẩn xét thăng quân hàm sĩ quan vượt bậc (Điều 17); thẩm quyền, tiêu chí, tiêu chuẩn thăng quân hàm và nâng lương trước thời hạn (Điều 18); quyền lợi của sĩ quan biệt phái (Điều 29); sĩ quan được thanh toán thêm một khoản tiền bằng tiền lương

cho những ngày không nghỉ (Điều 32); chăm sóc sức khỏe đôi với sĩ quan và thân nhân sĩ quan tại ngũ (Điều 33); điều kiện nghỉ hưu đôi với đối tượng hết tuổi phục vụ tại ngũ cao nhất (Điều 36); chế độ an điều dưỡng, chăm sóc khi mắc bệnh hiểm nghèo, chế độ thông tin, hỗ trợ tang lễ khi từ trần đôi với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ (Điều 37); tuổi phục vụ của sĩ quan dự bị (Điều 38); phong quân hàm sĩ quan dự bị (Điều 41); trách nhiệm của Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài và trách nhiệm của Bộ Quốc phòng, chính quyền địa phương trong bố trí quỹ đất phát triển nhà ở xã hội cho Quân đội (Điều 46, Điều 47).

+ Sửa về kỹ thuật 05 điều, gồm: Điều 12, Điều 25, Điều 31, Điều 40 và Điều 43.

- **Điều 2:** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công an nhân dân số 37/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2023/QH15, Luật số 30/2023/QH15 và Luật số 38/2024/QH15.

- **Điều 3:** Hiệu lực thi hành.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT SĨ QUAN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 về chức vụ, chức danh của sĩ quan

Luật năm 2024 đã điều chỉnh tăng từ 11 lên 17 chức vụ cơ bản của sĩ quan; bổ sung cấp phó, gồm: Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Tổng Tham mưu trưởng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị và các chức vụ là cấp phó của cấp trưởng đến Phó Đại đội trưởng, Chính trị viên phó Đại đội.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 về tuổi phục vụ tại ngũ của sĩ quan

Luật năm 2024 đã tăng hạn tuổi cao nhất của sĩ quan phục vụ tại ngũ theo cấp bậc quân hàm, cụ thể: Cấp úy từ 46 lên 50 tuổi, Thiếu tá từ 48 lên 52 tuổi, Trung tá từ 51 lên 54 tuổi, Thượng tá từ 54 lên 56 tuổi, Đại tá nam từ 57 lên 58 tuổi, nữ từ 55 lên 58 tuổi; cấp tướng nam 60 giữ nguyên, nữ từ 55 lên 60 tuổi.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 về cấp bậc quân hàm cao nhất đối với chức vụ, chức danh của sĩ quan

Luật năm 2024 sửa đổi theo hướng quy định số lượng cấp tướng ở từng cấp nhưng không quy định vị trí cụ thể từ cấp Trung tướng trở xuống; Chủ nhiệm Ủy ban Quốc phòng và An ninh có cấp bậc quân hàm cao nhất là Thượng tướng; giao Chính phủ quy định cụ thể vị trí có cấp bậc quân hàm cao nhất là Trung tướng, Phó Đô đốc Hải quân, Thiếu tướng, Chuẩn Đô đốc Hải quân.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 về thăng quân hàm đối với sĩ quan tại ngũ

Luật năm 2024 quy định điều kiện về tuổi xét thăng quân hàm từ cấp bậc

Đại tá lên Thiếu tướng, Chuẩn Đô đốc Hải quân phải còn ít nhất đủ 03 năm công tác, trường hợp không còn đủ 03 năm công tác khi có yêu cầu do Chủ tịch nước quyết định; đồng thời, bổ sung nội dung vào khoản 4 để giao Chính phủ quy định tiêu chí, tiêu chuẩn để xét thăng quân hàm sĩ quan cấp tướng vượt bậc; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định cụ thể tiêu chí, tiêu chuẩn để xét thăng quân hàm sĩ quan cấp tá, cấp úy vượt bậc.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 về xét thăng quân hàm và nâng lương trước thời hạn

Luật năm 2024 quy định sĩ quan được xét nâng lương trước thời hạn và giao Chính phủ quy định cụ thể tiêu chí, tiêu chuẩn để xét thăng quân hàm sĩ quan cấp Tướng trước thời hạn; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định cụ thể tiêu chí, tiêu chuẩn để xét thăng quân hàm sĩ quan cấp Tá, cấp Úy và nâng lương sĩ quan trước thời hạn (*Luật năm 1999 không quy định sĩ quan được nâng lương trước thời hạn*).

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 về chế độ nghỉ của sĩ quan

Luật năm 2024 bổ sung quy định sĩ quan do yêu cầu nhiệm vụ mà không được nghỉ hằng năm thì được thanh toán tiền cho những ngày không nghỉ.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 về chăm sóc sức khỏe đối với sĩ quan và thân nhân sĩ quan tại ngũ

Luật năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số nội dung, sửa về câu từ tại Điều 33, trong đó bổ sung quy định con đẻ, con nuôi hợp pháp của sĩ quan tại ngũ từ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học phổ thông, không có chế độ bảo hiểm y tế thì được cấp thẻ bảo hiểm y tế.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 36 về điều kiện nghỉ hưu của sĩ quan

Luật năm 2024 bổ sung khoản 3 vào Điều 36 để quy định sĩ quan hết tuổi phục vụ tại ngũ cao nhất theo quy định tại Điều 13 của Luật nếu đã đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên thì được nghỉ hưu.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 38 về tuổi phục vụ của sĩ quan dự bị

Luật năm 2024 đã sửa đổi, tăng hạn tuổi phục vụ của sĩ quan dự bị từ 01 đến 02 tuổi; cụ thể: Cấp úy từ 51 lên 53 tuổi, Thiếu tá từ 53 lên 55 tuổi, Trung tá từ 56 lên 57 tuổi, Thượng tá từ 57 lên 59 tuổi, Đại tá từ 60 lên 61 tuổi và cấp tướng giữ nguyên 63 tuổi.

Bổ sung quy định hạn tuổi phục vụ cao nhất của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 41 về bổ nhiệm chức vụ, phong, thăng quân hàm sĩ quan dự bị

Luật năm 2024 sửa đổi quy định học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, học viên tốt nghiệp đào tạo Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở thì căn cứ trình độ đã được đào tạo, kết quả học tập, rèn luyện được phong quân hàm sĩ quan dự bị; đồng thời bổ sung khoản 6, giao Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 46 về trách nhiệm của Chính phủ, Bộ Quốc phòng

Luật năm 2024 đã sửa đổi, bổ sung Khoản 1, bổ sung trách nhiệm của Chính phủ trong việc ban hành cơ chế, chính sách đặc biệt về điều kiện, môi trường làm việc, lương, thưởng, chăm sóc sức khỏe và các chính sách khác để thu hút, trọng dụng nhân tài đối với Quân đội; sửa đổi, bổ sung Khoản 2, bổ sung trách nhiệm của Bộ Quốc phòng việc chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập kế hoạch phát triển nhà ở cho Quân đội.

12. Bổ sung khoản 5 vào Điều 47, bổ sung trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp

Luật năm 2024 bổ sung quy định trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc bố trí quỹ đất, thu hồi đất để bàn giao cho Bộ Quốc phòng làm cơ quan chủ quản, triển khai thực hiện chính sách phát triển nhà ở xã hội cho quân đội.

13. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công an nhân dân số 37/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2023/QH15, Luật số 30/2023/QH15 và Luật số 38/2024/QH15

Luật năm 2024 đã sửa đổi, bổ sung Điều 25 về cấp bậc hàm cao nhất đối với chức vụ, chức danh của sĩ quan Công an nhân dân và Khoản 2 Điều 29 về chế độ khi biệt phái sĩ quan Công an nhân dân./.

Nơi nhận:

- Các Ban Đảng TU, UBKTTU, VP TU;
- Các Ban của HĐND tỉnh, VPHĐND tỉnh;
- UBMTTQ& TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội LG tỉnh; Đoàn LS tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của DN, HTX;
- Báo cáo viên PL tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Các DNNN thuộc tỉnh quản lý;
- Các DNNN trung ương đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh
- Phòng TP huyện, TP;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT STP (đăng tải);
- Lưu: XDKTTHPL&PBGDPL (VTM.Hiền).

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYẾN QUANG